

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2017/HSST
Ngày 25 - 12 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Công Hạ

2. Ông Bùi Đức Khoa.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 83/2017/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đặng T, sinh năm 1981; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã K, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Đặng P (đã chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1947; có vợ là Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1986; có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2017 đến ngày 23/3/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn H, sinh năm 1989; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Núi Ngọc, xã Lưu Kỳ, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; con ông Nguyễn Đình Dũng, sinh năm 1964 và bà Lê Thị Miên, sinh năm 1965; chưa có vợ con; tiền án: Bản án số 33/2014/HSST ngày 07/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xử phạt 42 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/8/2016); tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2017 đến ngày 23/3/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Phạm T, sinh năm 1982; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã K, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; con ông Phạm Văn Cưu (đã chết) và bà Nguyễn Thị Sửu, sinh năm 1944; chưa có vợ

con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2017 đến ngày 23/3/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Hoàng K, sinh năm 1978; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã K, huyện T, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 6/12; con ông Hoàng Văn Thêm và bà Phạm Thị Khỏe (đều đã chết); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/5/2017; có mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Nguyễn H, Đặng T, Phạm T và Hoàng K bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 15/3/2017, sau khi phục vụ đám cưới tại nhà anh Hoàng Văn Hùng, sinh năm 1968 ở thôn M, xã K, huyện T xong thì Đặng T, Phạm T và một số đối tượng (chưa rõ nhân thân, lai lịch) sang nhà anh Vũ Văn Dũng có vợ là chị Nguyễn Thị Thúy Ngà (ở bên cạnh đám cưới) ngồi chơi. Lúc này, nhà anh Vũ Văn Dũng mở cửa và không có ai ở nhà. Tại đây Đặng T cùng các đối tượng trên rủ nhau lên gác hai nhà anh Vũ Văn Dũng đánh “xóc đĩa” được thua bằng tiền. Cả nhóm quy định cách thức chơi như sau: Khi người xóc cái mở bát nếu 04 quân vị có 01 quân sấp, 03 quân ngửa hoặc 03 quân sấp, 01 quân ngửa là lẻ thì người nào đặt tiền vào cửa lẻ thắng, đánh cửa chẵn thua và ngược lại nếu 04 quân sấp, 04 quân ngửa hoặc 02 quân sấp, 02 quân ngửa là chẵn thì người nào đặt tiền vào cửa chẵn thắng, đánh cửa lẻ thua. Tỷ lệ thắng thua là “một ăn một”, không quy định việc phải đóng tiền hồ. Đặng T sử dụng số tiền 2.500.000 đồng và trực tiếp lấy 04 quân vị cùng bát, đĩa sứ, chiếu cói có sẵn ở trên gác hai nhà anh Vũ Văn Dũng để ngồi xóc cái, giam tiền cho Phạm T cùng những đối tượng khác tham gia đặt tiền vào các cửa chẵn hoặc lẻ tùy ý. Phạm T mang theo 6.000.000 đồng để đánh bạc, Phạm T đã đánh nhiều ván, ván ít nhất là 100.000 đồng, ván nhiều nhất là 300.000 đồng, quá trình đánh bị thua 900.000 đồng. Một lúc sau, Nguyễn H và Phạm Thành Kha đến đánh bạc, Nguyễn H mang theo 1.000.000 đồng để đánh bạc, đã đánh nhiều ván, ván ít nhất là 100.000 đồng, ván nhiều nhất là 800.000 đồng và thắng được hơn 2.000.000 đồng. Phạm Thành Kha sử dụng 30.000 đồng để đánh bạc nhưng các đối tượng trong đám bạc trả lại không cho tham gia. Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày Đặng T bị thua gần hết tiền số tiền bỏ ra nên Nguyễn H sử dụng 2.000.000 đồng vừa thắng bạc thay Đặng T xóc cái, giam tiền cho Phạm T, Đặng T và những người khác chơi. Đến 21 giờ 50 phút cùng ngày, Hoàng K và Phạm Văn Nam đến đánh bạc, Phạm Văn Nam đứng xem còn Hoàng K mang theo 120.000 đồng tham gia đánh hai ván, ván thứ nhất đánh 80.000 đồng vào cửa lẻ, ván thứ hai đánh 40.000 đồng vào cửa chẵn đều bị thua. Đám bạc chơi đến 22 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an huyện T kết hợp với Trạm cảnh sát nhân dân cầu Đá Bạc bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc số tiền 11.400.000 đồng, 01 chiếu cói, 01 đĩa sứ, 04 quân vị; thu giữ trên người Phạm T số tiền 5.100.000 đồng, Đặng T số tiền 5.670.000 đồng, Nguyễn H số tiền 50.000 đồng. Hoàng K và một số đối tượng chưa rõ nhân thân, lai lịch trong đám bạc lợi dụng sơ hở chạy thoát. Đến 15 giờ ngày 16/3/2017 Hoàng K đến cơ quan Công an trình diện.

Tại bản cáo trạng số 101/CT-VKS ngày 17/8/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H đã truy tố Nguyễn H, Đặng T, Phạm T và Hoàng K về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn H, Đặng T, Phạm T và Hoàng K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội các bị cáo Nguyễn H, Đặng T, Phạm T và Hoàng K về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 16/3/2017 đến ngày 23/3/2017. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 31; Điều 20, Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng T từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Phạm T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Hoàng K từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho các bị cáo Đặng T và Phạm T thời gian đã bị tạm giữ. Giao các bị cáo Đặng T, Hoàng K, Phạm T cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cối, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị đã qua sử dụng; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 16.550.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai của các bị cáo Nguyễn H, Đặng T, Phạm T và Hoàng K tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng; biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang; phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Nguyễn H, Đặng T, Phạm T và Hoàng K đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 16.550.000 đồng là phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự. Như vậy nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tại phiên tòa truy tố các bị cáo Nguyễn H, Đặng T, Phạm T và Hoàng K về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng điều luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; vai trò và nhân thân của từng bị cáo.

Xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò, nhân thân của từng bị cáo và quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Nguyễn H: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông ngoại là Lê Thanh Khẩn được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Nhưng nhân thân bị cáo đã bị kết án về tội Cố ý gây thương tích chưa được xóa án tích mà lại phạm tội là tái phạm đó là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo Đặng T, Phạm T và Hoàng K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Đặng T có bố đẻ là ông Đặng P được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì và mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị P được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; bị cáo Phạm T có mẹ đẻ là bà Hoàng Thị Sửu được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; bị cáo Hoàng K sau khi phạm tội đã ra trình diện và có bố đẻ là ông Hoàng Văn Thêm được tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm có nhiều người tham gia nên cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để làm căn cứ cho việc quyết định mức hình phạt. Xét bị cáo Đặng T là người đề xuất việc đánh bạc đồng thời là người trực tiếp xóc cái, giam tiền và sử dụng số tiền 2.500.000 đồng để đánh bạc nên vai trò cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo Nguyễn H là người thay bị cáo Đặng T xóc cái, giam tiền và sử dụng số tiền 1.000.000 để đánh bạc, bị cáo Phạm T và Hoàng K là người tham gia đánh bạc nên vai trò thấp hơn bị cáo Đặng T nhưng bị cáo Phạm T sử dụng số tiền đánh bạc lớn nhất, thực hành tích cực còn bị cáo Hoàng K sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất, tham gia có mức độ nên mức hình phạt của bị cáo Hoàng K thấp hơn bị cáo Phạm T.

Từ những đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn H phạm tội ít nghiêm trọng nhưng nhân thân bị cáo đã bị kết án về tội Cố ý gây thương tích chưa được xóa án tích mà lại phạm tội nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt trên khởi điểm của khung hình phạt buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội mới đủ để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với các bị cáo Đặng T, Phạm T và Hoàng K phạm tội ít nghiêm trọng, nhân thân không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 31 của Bộ luật Hình sự xử cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội; giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục là đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Các bị cáo Đặng T và Phạm T đã bị tạm giữ từ ngày 16/3/2017 đến ngày 23/3/2017 nên thời gian đã bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy

định tại Điều 31 Bộ luật Hình sự, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Bộ luật Hình sự các bị cáo Đặng T, Phạm T và Hoàng K phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ nhà nước nhưng xét các bị cáo đều là lao động tự do, không có nguồn thu nhập ổn định nên miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự, hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn H, Đặng T, Phạm T và Hoàng K còn có thể bị phạt tiền, xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự xác định 01 chiếc cối, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 16.550.000 đồng thu trong người các bị cáo và trên chiếc bạc xác định là tiền sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo Nguyễn H, Đặng T, Phạm T và Hoàng K, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong vụ án này Phạm Thành Kha và Phạm Văn Nam có mặt tại đám bạc nhưng không tham gia đánh bạc. Chị Nguyễn Thị Thúy Nga là chủ nhà nơi các đối tượng đánh bạc nhưng không biết các đối tượng vào nhà đánh bạc, không thu tiền hồ nên Cơ quan điều tra Công an huyện T không xử lý là đúng quy định pháp luật. Số tiền 5.670.000 đồng thu giữ của Đặng T xác định không sử dụng để đánh bạc nên Công an huyện T đã trả lại cho Đặng T là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn H, Đặng T, Phạm T và Hoàng K phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 16/3/2017 đến ngày 23/3/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 31; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng T 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ 07 ngày (từ 16/3/2017 đến ngày 23/3/2017) quy đổi

thành 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn còn lại là 14 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Đặng T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Phạm T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ 07 ngày (từ 16/3/2017 đến ngày 23/3/2017) quy đổi thành 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn còn lại là 11 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Phạm T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Hoàng K 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Hoàng K cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếu cỏi, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H).

Tịch sung quỹ Nhà nước số tiền 16.550.000 đồng thu trong người các bị cáo và trên chiếu bạc (Theo biên lai thu tiền số 0000713 ngày 14/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo Nguyễn H, Đặng T, Phạm T và Hoàng K, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- CATP H;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- CA huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hiền

